

健行科技大學大學部學生選課辦法
QUY ĐỊNH ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN DÀNH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC KỸ THUẬT KIẾN HÀNH

中華民國93年03月31日教務會議修訂通過

中華民國93年12月24日教務會議修訂通過

中華民國101年6月13日校務會議通過修訂名稱

中華民國103年4月16日教務會議修訂通過

中華民國103年11月5日教務會議修訂通過

中華民國104年4月22日教務會議修訂通過

中華民國105年11月2日教務會議修訂通過

中華民國106年4月21日教務會議修訂通過

中華民國110年6月25日教務會議修訂通過

中華民國113年4月24日教務會議修訂通過

中華民國114年11月14日教務會議修訂通過

第1條 健行科技大學(以下簡稱本校)為規範學生選課事宜，依學則規定訂定「健行科技大學大學部學生選課辦法」(以下簡稱本辦法)。

Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiến Hành (sau đây gọi tắt là “Nhà trường”) ban hành “Quy định đăng ký học phần dành cho sinh viên Đại học Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiến Hành” (sau đây gọi tắt là “Quy định này”) căn cứ theo Quy chế Đào tạo của Nhà trường nhằm quản lý và thực hiện công tác đăng ký học phần của sinh viên.

第2條 本校選課作業分為二階段實施：第一階段於每學期結束前辦理下學期選課；第二階段於開學前一星期至開學後一星期辦理加退選課作業為原則。新生入學第一學期直接進入第二階段選課作業。

Công tác đăng ký học phần của Nhà trường về nguyên tắc được thực hiện theo 2 giai đoạn: giai đoạn 1 sẽ tiến hành đăng ký học phần cho học kỳ tiếp theo vào trước khi kết thúc mỗi học kỳ; giai đoạn 2 sẽ tiến hành điều chỉnh (thêm/hủy) học phần trong khoảng thời gian từ 1 tuần trước khi khai giảng đến hết 1 tuần sau khi khai giảng. Lưu ý: Sinh viên mới nhập học trong học kỳ đầu tiên sẽ thực hiện đăng ký trực tiếp tại Giai đoạn 2.

第3條 學生每學期修習學分，按下列規定辦理：

Số tín chỉ sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

一、一至三年級至少16學分，至多25學分。四年級至少9學分，至多25學分。

Sinh viên năm thứ 1 đến năm thứ 3: Tối thiểu 16 tín chỉ, tối đa 25 tín chỉ. Sinh viên năm thứ 4: Tối thiểu 9 tín chỉ, tối đa 25 tín chỉ.

二、進修部學生每學期修習學分數，上限依前款之規定，下限不得少於9學分。

Sinh viên Hệ Tại chức: Giới hạn tối đa thực hiện theo quy định 1 đã nhắc bên trên; giới hạn tối thiểu không được ít hơn 9 tín chỉ.

學期選課作業結束後，若學生未達應修習學分數下限，系(所)得輔導選課至滿足應修習學分數下限止。

Sau khi kết thúc đợt đăng ký học phần của học kỳ, nếu sinh viên chưa đạt số tín chỉ tối thiểu theo quy định, Khoa (Viện) có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn sinh viên đăng ký cho đến khi đáp ứng đủ mức tối thiểu.

第4條 符合下列情形之學生其學分修習下限得不受前條之限制，惟仍須至少修習9學分：

Sinh viên thuộc các trường hợp sau đây có thể không bị ràng buộc bởi giới hạn tối thiểu quy định tại Điều 3, tuy nhiên vẫn phải đăng ký tối thiểu 9 tín chỉ:

一、當學期參與校外實習課程。

Đang tham gia chương trình thực tập ngoài nhà trường trong học kỳ đó.

二、學生因懷孕、分娩或撫育三歲以下子女以及身心障礙生，經簽陳同意減修學分。

Sinh viên mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ dưới 3 tuổi hoặc sinh viên khuyết tật, đã nộp đơn xin giảm số tín chỉ và được phê duyệt.

三、前學期不及格學分數達10學分，經簽核同意者。

Sinh viên có số tín chỉ không đạt của học kỳ trước từ 10 tín chỉ trở lên và đã được cấp có thẩm quyền ký duyệt đồng ý.

第5條 前學期平均成績達全班前10%或該系組全年級(班級數超過二班者)前15%者，得經申請同意後於學分上限外，酌增修課學分數3學分。

Sinh viên có điểm trung bình học kỳ trước thuộc Top 10% của lớp hoặc thuộc Top 15% của toàn khóa học thuộc khoa (đối với khoa có từ 2 lớp trở lên), sau khi đăng ký và được phê duyệt, sẽ được phép đăng ký vượt mức tối đa thêm tối đa 3 tín chỉ.

第6條 日間部、進修部跨部修習學分，全學期以不超過當學期修習學分數三分之一為原則，且有下列情形之一經申請核可後，方可修習：

Việc học chéo giữa Hệ Chính quy và Hệ Tại chức về nguyên tắc không vượt quá 1/3 tổng số tín chỉ đăng ký trong học kỳ đó. Sinh viên chỉ được phép đăng ký sau khi nộp đơn và được phê duyệt nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

一、加修輔系組學生，其加修科目與本系所修之科目時間衝突者。

Sinh viên học ngành phụ (chuyên ngành 2), có môn học ngành phụ bị trùng giờ với môn học của ngành chính.

二、應屆畢業生所選讀之科目時間衝突而影響畢業者。

Sinh viên năm cuối bị trùng giờ học các môn đăng ký dẫn đến ảnh hưởng đến việc tốt nghiệp.

三、應屆畢業生選讀該學制未開設或因達人數上限無法選入之課程。

Sinh viên năm cuối đăng ký học các môn học không được mở ở hệ đào tạo của mình hoặc không thể đăng ký do đã đủ số lượng sinh viên tối đa.

四、因本系必修科目停開而須補修該科目學分者。

Trường hợp môn học bắt buộc của khoa mình bị hủy lớp, buộc phải học bù tín chỉ môn đó.

五、延修生、轉入三年級轉學生或參與學期實習課程學生，經所屬系所同意者。

Sinh viên tốt nghiệp muộn, sinh viên chuyển trường nhập học từ năm 3 hoặc sinh viên tham gia chương trình thực tập học kỳ đã nhận được sự đồng ý của Khoa/Viện quản lý.

其它狀況特殊經專案簽核，不受上述限制。

Các trường hợp đặc biệt khác sau khi trình phê duyệt theo quy trình riêng, sẽ không bị hạn chế bởi quy định trên.

第7條 大學部三年級、四年級學生得修讀研究所課程。

所修研究所科目學分包括每學期限修學分數、學業成績不及格之退學標準及大學部畢業總學分內計算，其成績及格標準依大學部規定(60分以上為及格)。

Sinh viên Đại học năm thứ 3 và năm thứ 4 được phép đăng ký học các môn học thuộc chương trình Cao học (Thạc sĩ). Các môn học Cao học đã đăng ký, quy chuẩn buộc thôi học do kết quả yếu kém và tổng số tín chỉ tốt nghiệp đại học. Tiêu chuẩn tính điểm đạt của các môn này áp dụng theo quy định của hệ Đại học (từ 60 điểm trở lên là qua môn).

第8條 學生加選或退選課程，應於每學期規定期限內為之。加退選後，即不得以任何理由要求加選或退選課程，惟因情況特殊，經申請許可者，可在加退選截止後一星期內為之。

Việc thêm hoặc hủy môn học của sinh viên phải được thực hiện trong thời hạn quy định của từng học kỳ. Sau khi hết hạn điều chỉnh, sinh viên không được lấy bất kỳ lý do gì để yêu cầu thêm hoặc hủy môn học. Tuy nhiên, đối với các trường hợp đặc biệt, sau khi nộp đơn và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc điều chỉnh có thể được thực hiện trong vòng 1 tuần sau khi kết thúc đợt điều chỉnh học phần.

第9條 學生每學期所修科目以本校選課系統登錄之資料為準。凡未選之科目，雖有成績，不予登記；已選之科目，未經退選不得中途放棄，否則成績以零分登錄，併入學期總平均計算。

Các môn học của sinh viên trong mỗi học kỳ dựa hoàn toàn vào dữ liệu được ghi nhận trên Hệ thống đăng ký học phần của Nhà trường. Trường hợp môn học không đăng ký trên hệ thống, dù có điểm cũng không được ghi nhận. Môn học đã đăng ký nhưng chưa làm thủ tục hủy bỏ hợp lệ thì không được tự ý bỏ học giữa chừng; nếu vi phạm, điểm số của môn đó sẽ bị ghi nhận là 0 điểm và được tính vào điểm trung bình chung học kỳ.

第10條 新舊課程重補修科目及相關抵免，悉依「健行科技大學學生抵免學分辦法」辦理。

Việc học lại, học bù và miễn giảm tín chỉ tương đương giữa chương trình đào tạo mới và cũ sẽ được thực hiện theo “Quy định Miễn giảm Tín chỉ dành cho Sinh viên Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiên Hành”.

第11條 本班已有開設之必修課程，除經專案簽准外，不得至其他班選課。

Đối với các môn học bắt buộc đã được mở tại lớp của mình, sinh viên không được phép đăng ký học ở các lớp khác, trừ trường hợp được trình và phê duyệt theo quy trình đặc biệt.

第12條 校際相互選課，選修他校課程應以本校未開課之課程為限，並且須經本校及他校同意惟其所修學分數以不超過當學期修習學分數三分之一為原則。

Việc đăng ký học liên trường (học tại trường khác) chỉ áp dụng đối với các môn học mà Nhà trường không tổ chức giảng dạy. Đồng thời, việc này phải nhận được sự đồng ý của cả Nhà trường và trường bạn, và số tín chỉ đăng ký không được vượt quá 1/3 tổng số tín chỉ đăng ký trong học kỳ đó.

第13條 本辦法經教務會議通過，陳請校長核定後實行，修訂時亦同。

Quy định này có hiệu lực thi hành sau khi được Hội nghị Đào tạo thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt. Khi sửa đổi, bổ sung cũng phải tuân theo quy trình này.